

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **389**/2021/ HNGĐ-ST

Ngày 21/12/2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu H**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn H**
2. Ông **Nguyễn Xuân T**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Q** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thái B**- Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 275/2021/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ba T, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội

Bị đơn: A **Vũ Hồng T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn 5, xã Ba T, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội

(chị T có mặt tại phiên tòa, A Th vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và Biên bản hoà giải của chị **Đặng Thị T** trình bày: chị **Đặng Thị T** kết hôn hợp pháp với A **Vũ Hồng T** trên cơ sở tự nguyện, có*

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ba Tr, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội ngày 13/12/2010. Sau khi tổ chức kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không hợp tính cách, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Sau khi kết hôn, A Th mới cho gia đình biết vì ham chơi nên có vay nặng lãi, gia đình phải trả nợ cho A, A hứa sẽ thay đổi và sửa sai nhưng sau đó vẫn ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình, không dành thời gian quan tâm con cái, thường xuyên đi chơi khuya và không chăm lo cho đời sống vợ chồng, con cái. Vợ chồng ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết xin được ly hôn A Th.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải của A Vũ Hồng T trình bày: A Vũ Hồng T có kết hôn với chị Đặng Thị T trên cơ sở tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ba Tr, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội ngày 13/12/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng chưa thực sự hiểu công việc cũng như giờ giấc sinh hoạt của nhau, kinh tế gia đình có những lúc khó khăn do làm ăn thua lỗ nên hai vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn. Cùng với đó, A Th hay đi giao lưu uống rượu với bạn bè, khách hàng nên không có nhiều thời gian chăm lo cho vợ con. Vợ chồng ly thân được 1 tháng từ khi vợ tôi chuyển đi ở riêng cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nếu chị T kiên quyết ly hôn thì A đề nghị giải quyết đơn phương.

Về con chung : chị Đặng Thị T, A Vũ Hồng T đều thừa nhận có 03 con chung là: cháu Vũ Mai A, sinh ngày 17/11/2011; cháu Vũ Tuấn D, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Vũ Tuấn N, sinh ngày 16/07/2019. Hiện nay 03 cháu đang ở với chị T.

Quan điểm của chị T xin được nuôi 03 cháu và yêu cầu A Th phải trợ cấp nuôi con chung cho chị mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng. Hiện nay chị đang làm giáo viên Trường tiểu học Ba Tr A mức lương thu nhập là 10.000.000đ/tháng, ngoài ra chị còn bán hàng thêm từ 3.000.000đ đến 5.000.000đ/tháng.

Quan điểm của A Th xin được nuôi 03 cháu và không yêu cầu chị T trợ cấp nuôi con chung. Hiện A đang đi lái xe thuê cho tư nhân mức thu nhập là 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức: chị T, A Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng, nợ chung: chị T, A Th không có.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đặng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu, A Vũ Hồng T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

*Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự; Viện kiểm sát không có ý kiến gì.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX: chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị T đối với A Vũ Hồng T.

Áp dụng điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị T, cho chị Đặng Thị T được ly hôn A Vũ Hồng T. Về con chung: có 03 con chung là: Vũ Mai A, sinh ngày 17/11/2011; Vũ Tuấn D, sinh ngày 22/12/2013 và Vũ Tuấn N, sinh ngày 16/07/2019 . Giao cho chị T được nuôi 02 cháu Vũ Mai A, Vũ Tuấn N và A Th phải trợ cấp nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đ/ tháng. Giao cho A Th được nuôi cháu Vũ Tuấn D cho đến khi trưởng Th. Về tài sản chung, công nợ: không có, không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về tố tụng: Chị Đặng Thị T khởi kiện xin ly hôn A Vũ Hồng T nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn 5, xã Ba T, huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội, việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Th phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

2. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị T và A Vũ Hồng T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và A Th về chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn A Vũ Hồng T. Quan điểm của A Th xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì A đề nghị giải quyết đơn phương. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và A Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cho chị Đặng Thị T được ly hôn A Vũ Hồng T.

3. Về con chung: chị Đặng Thị T và A Vũ Hồng T đều thừa nhận có 03 con chung là: cháu Vũ Mai A, sinh ngày 17/11/2011; cháu Vũ Tuấn D, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Vũ Tuấn N, sinh ngày 16/07/2019. Hiện nay 03 cháu đang ở với chị T. Nguyên vọng của chị T và A Th đều xin được nuôi 3 cháu. Chị T và A Th đều trình bày mức thu nhập, chị T có xuất trình xác nhận mức thu nhập của Trường tiểu học Ba Tr, còn về phía A Th không xuất trình được chứng cứ. Xét nguyên vọng của chị T và A Th đều chính đáng, nhưng xét nguyên vọng của 2

cháu A và D xin được ở với mẹ, còn cháu N mới được hơn 2 tuổi, theo quy định tại điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định “... con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi”. Do vậy, để đảm bảo nguyện vọng của các cháu và đảm bảo tốt các điều kiện về vật chất, thời gian và chỗ ở cho 3 cháu phát triển bình thường, bản thân 3 cháu đang ở ổn định với chị T, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu của chị T: Giao 3 cháu Vũ Mai A, Vũ Tuấn D, Vũ Tuấn N cho chị Đặng Thị T được chăm sóc nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu A Th phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000đ/tháng. Xét đây là nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của A Vũ Hồng T và A Th có nghĩa vụ cấp dưỡng là đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy, buộc A Vũ Hồng T phải cấp dưỡng cho chị Đặng Thị T nuôi 2 cháu Vũ Mai A, sinh ngày 11/07/2011; Vũ Tuấn D, sinh ngày 22/12/2013 mỗi cháu 1.500.000đ/ tháng, kể từ tháng 01/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

A Vũ Hồng T được quyền qua lại, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

4. Về tài sản chung, công sức đóng góp: A chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

5. Tài sản riêng, công nợ: A chị thừa nhận không có. Do vậy, HĐXX không xem xét.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Đặng Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, 56, 69, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 227, điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 26/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T đối với A Vũ Hồng T về việc ly hôn và trả chấp nuôi con chung

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn A Vũ Hồng T.

- *Về con chung:* có 03 con chung là: cháu Vũ Mai A, sinh ngày 17/11/2011; cháu Vũ Tuấn D, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Vũ Tuấn N, sinh ngày 16/07/2019. Giao 3 cháu Vũ Mai A, cháu Vũ Tuấn D và cháu Vũ Tuấn N cho chị Đặng Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: A Vũ Hồng T có nghĩa vụ trợ cấp nuôi 2 cháu Vũ Mai A, sinh ngày 17/11/2011; Vũ Tuấn D, sinh ngày 22/12/2013 cho chị Đặng Thị T mỗi cháu 1.500.000đ/ tháng, kể từ tháng 01/2022 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

A Vũ Hồng T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công sức đóng góp: A chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản riêng, nợ chung: không có.

Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0059726 ngày 11/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì nay được khấu trừ vào số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị T phải nộp.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 228, điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Án hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, chị Đặng Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. A Vũ Hồng T được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- UBND xã Ba Tr
- Người tham gia tố tụng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Thu H